



Thông tin cảnh báo an toàn:

- Việc lắp đặt phải do người có chuyên môn về điện thực hiện.

Hướng dẫn sử dụng:

- Sử dụng đúng thông số kỹ thuật in trên bao bì hoặc sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:

- Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo.

QUẠT ĐIỆN ELECTRIC FAN



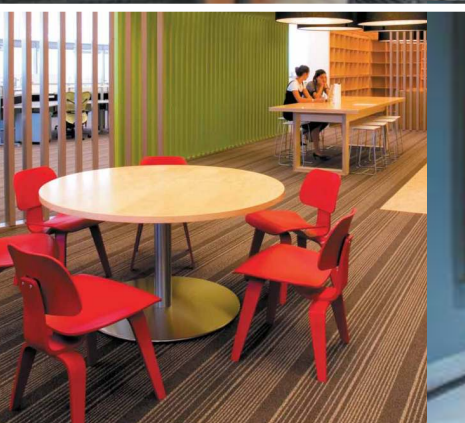
QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG



QUẠT HÚT GẮN KÍNH



QUẠT HÚT GẮN TRẦN

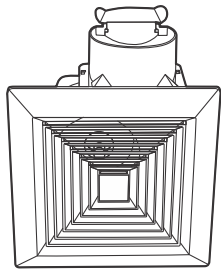


VENTILATING FAN

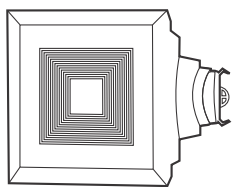
Product Price List



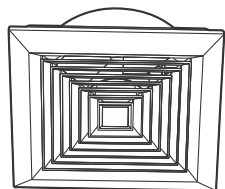
For more information please visit:
www.sino.com.vn

QUẠT HÚT GẮN TRẦN ỐNG HÚT NGANG - LÁ GIÓ TỰ MỞ- THÂN NHỰA
CEILING-MOUNTED TUBULAR VENTILATING FAN


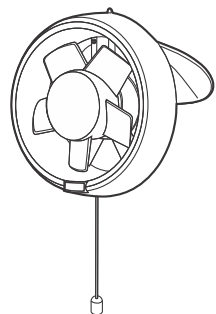
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Kích thước ống gió (cm) Duct size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPT112/14BF	17	170	24	8	18	Ø10	454.000
SPT113/23BF	19	240	33	18	22.5	Ø10	550.000

QUẠT HÚT GẮN TRẦN ỐNG HÚT NGANG - LÁ GIÓ TỰ MỞ- THÂN SẮT
CEILING-MOUNTED VENTILATING FAN


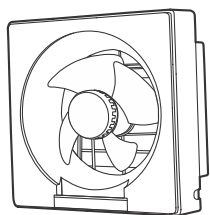
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Kích thước ống gió (cm) Duct size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPT212/14BF	17	210	30	15	23	Ø10	454.000
SPT217/34BF	35	380	35	24	27	Ø13.5	550.000

QUẠT HÚT GẮN TRẦN ỐNG HÚT THẲNG - THÂN NHỰA
CEILING TYPE MOUNTED VENTILATING FAN


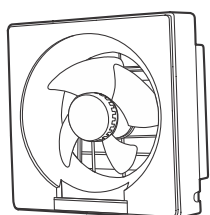
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPT020BF	24	450	40	28	27	454.000
SPT025BF	30	780	40	40	33	550.000

QUẠT HÚT GẮN KÍNH - THÂN NHỰA
GLASS TYPE MOUNTED VENTILATING FAN


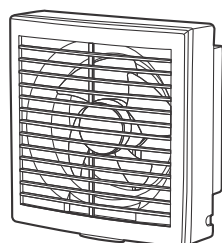
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Chiều sâu lỗ kính (mm) Hole depth	Kích thước khoét lỗ tròn (cm) Round hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPC15AD	10	220	35	3 - 7	Ø18	378.000
SPC20AD	28	400	36	3 - 7	Ø24.5	454.000

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ TỰ MỞ - KHÔNG CÓ MÀN CHE - THÂN NHỰA
 AIR-PRESSURE VENTILATING FAN


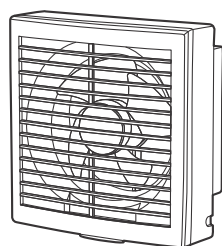
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPB15AF	15	350	36	19	20	294.000

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ TỰ MỞ - KHÔNG CÓ MÀN CHE - THÂN SẮT
 AIR-PRESSURE VENTILATING FAN


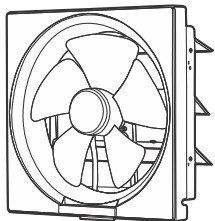
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPB20AF	24	615	39	38	25	319.000
SPB25AF	30	940	40	60	30	349.000
SPB30AF	35	1210	40	78	35	546.000

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ TỰ MỞ - CÓ MÀN CHE - THÂN NHỰA
 AIR-PRESSURE BLIND VENTILATING FAN


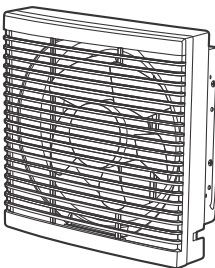
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPB15BF	15	310	36	18	20	346.000

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ TỰ MỞ - CÓ MÀN CHE - THÂN SẮT
 AIR-PRESSURE BLIND VENTILATING FAN


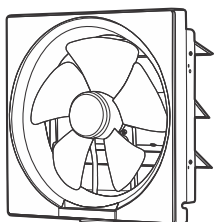
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPB20BF	24	585	40	36	25	380.000
SPB25BF	30	900	43	58	30	410.000
SPB30BF	35	1110	43	65	35	575.000

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG 1 CHIỀU - LÁ GIÓ MỞ BẰNG CÔNG TẮC - KHÔNG CÓ MÀN CHE - THÂN SẮT
UNIDIRECTION LINKED TYPE VENTILATING FAN


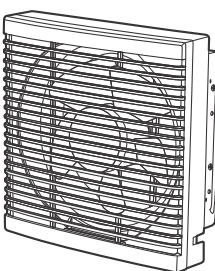
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPB20AD	24	600	39	38	25	362.000
SPB25AD	30	940	40	60	30	395.000
SPB30AD	35	1210	40	78	35	558.000

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ MỞ BẰNG CÔNG TẮC - CÓ MÀN CHE - THÂN SẮT
UNIDIRECTION LINKED TYPE BLIND VENTILATING FAN


Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SPB20BD	24	585	40	36	25	380.000
SPB25BD	30	900	43	58	30	410.000
SPB30BD	35	1110	43	65	35	575.000

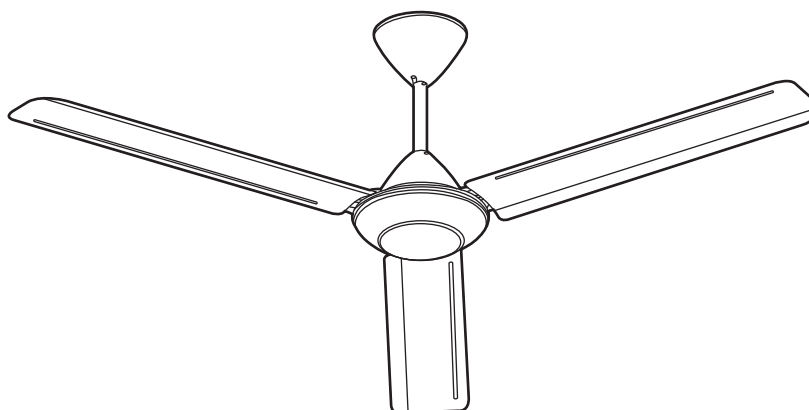
QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG 2 CHIỀU - LÁ GIÓ MỞ BẰNG CÔNG TẮC - KHÔNG CÓ MÀN CHE - THÂN SẮT
BIDIRECTION LINKED TYPE VENTILATING FAN


Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SSB20AS	24	600	39	38	25	375.000
SSB25AS	30	940	40	60	30	405.000
SSB30AS	35	1210	40	78	35	570.000

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG HAI CHIỀU - LÁ GIÓ MỞ BẰNG CÔNG TẮC - CÓ MÀN CHE - THÂN SẮT
BIDIRECTION LINKED TYPE BLIND VENTILATING FAN


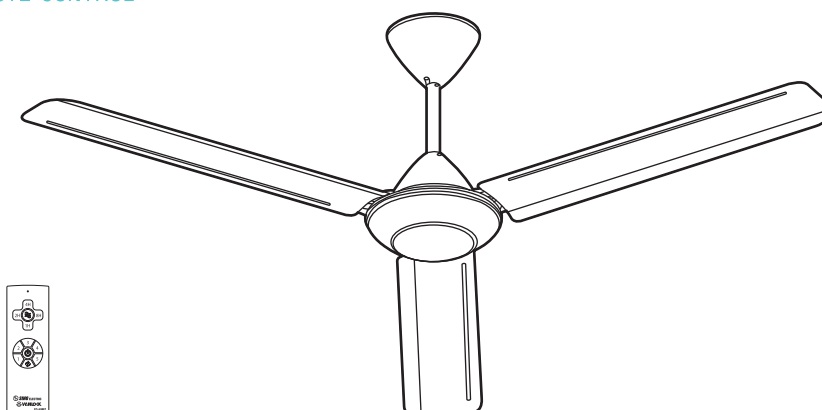
Mã số Cat.No	Công suất (W) Rating	Lưu lượng gió (CMH) Air volume	Độ ồn (dB) Noise	Diện tích đề xuất (m ²) Area	Kích thước cửa lỗ vuông (cm) Square hole size	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SSB20BS	24	585	40	36	25	390.000
SSB25BS	30	900	43	58	30	420.000
SSB30BS	35	1110	43	65	35	590.000

QUẠT TRẦN
CEILING FAN



Mã số Cat.No	Diễn giải Description	Chiều dài ti quạt (mm) -	Công suất Rating	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
F-60MZ2-MS	Quạt trần điện 3 cánh -	225	66 - 71W	1.260.000
F-60MZ2-M	Quạt trần điện 3 cánh -	295	66 - 71W	1.260.000
F-60MZ2	Quạt trần điện 3 cánh -	455	66 - 71W	1.260.000
F-60MZ2-L	Quạt trần điện 3 cánh -	595	66 - 71W	1.260.000

QUẠT TRẦN 3 CÁNH CÓ ĐIỀU KHIỂN TỪ XA
CEILING FAN WITH REMOTE CONTROL



Mã số Cat.No	Diễn giải Description	Chiều dài ti quạt (mm) -	Công suất Rating	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
FD-60MZ2-MS	Quạt trần 3 cánh có điều khiển từ xa Ceiling fan with remote control	225	30 - 35W	1.460.000
FD-60MZ2-M	Quạt trần 3 cánh có điều khiển từ xa Ceiling fan with remote control	295	30 - 35W	1.460.000
FD-60MZ2	Quạt trần 3 cánh có điều khiển từ xa Ceiling fan with remote control	455	30 - 35W	1.460.000
FD-60MZ2-L	Quạt trần 3 cánh có điều khiển từ xa Ceiling fan with remote control	595	30 - 35W	1.460.000